

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ- ST  
Ngày: 05- 8- 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đắc Nghị
2. Bà Phạm Thị Huệ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Văn Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương- Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Huyền M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu..., thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trần Đình C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Huyền M trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Đình C và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị

trần Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 30/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh C. Chị và anh C có 02 con chung là Trần Lê Yến Nh, sinh ngày 08/12/2014 và Trần Đình Ph, sinh ngày 09/01/2017. Hiện nay con Yến Nh đang ở với anh C còn con Ph đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con Ph còn để anh C nuôi con Yến Nh. Chị và anh C không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Trần Đình C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Bổ đề anh C là ông Trần Đình Chức đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án và cho biết đã giao các văn bản đó cho anh C biết. Anh C thông qua gia đình trình bày quan điểm với Tòa án như sau: Anh C nhất trí ly hôn với chị M vì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do vợ chồng không còn hòa hợp và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng có hai con chung là Trần Lê Yến Nh, sinh ngày 08/12/2014 và Trần Đình Ph, sinh ngày 09/01/2017. Anh C xin trực tiếp nuôi dưỡng con Yến Nh vì con Yến Nh đang ở với anh C, còn chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Ph, hai bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì điều kiện C việc bận làm ăn ở tỉnh ngoài nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị M được ly hôn anh C; về quan hệ con chung, cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đình Ph, sinh ngày 09/01/2017; giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Yến Nh, sinh ngày 08/12/2014. Chị M và anh C không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về quan hệ tài sản

chưa giải quyết. Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Huyền M và anh Trần Đình C xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị M và anh C thấy. Con chung là Trần Lê Yến Nh đang ở với anh C và có nguyện vọng được ở với bố; con Trần Đình Ph đang ở với chị M. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt nhưng kết quả xác minh tại cơ sở thôn nơi anh C cư trú xác định anh C vẫn thường xuyên về gia đình chăm lo cho con chung. Vì vậy, cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Ph; giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng con Nh là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chưa ghi được lời khai trực tiếp của anh C về tài sản nên không xem xét, giải quyết. Trường hợp xảy ra tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Lê Huyền M được ly hôn anh Trần Đình C.

**2. Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Lê Huyền M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đình Ph, sinh ngày 09/01/2017; giao cho anh Trần Đình C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Lê Yến Nh, sinh ngày 08/12/2014. Chị M và anh C không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Lê Huyền M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003682 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Lê Huyền M và anh Trần Đình C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND TT Hồi Xuân, H.Quan Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thế Hùng**